

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THẾ VINH

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG
TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HIỆN NAY
(QUA KHẢO SÁT TẠI BÌNH DƯƠNG)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

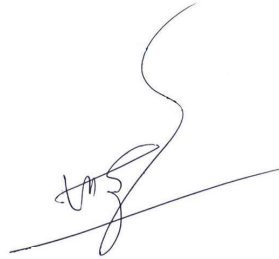
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

MÃ SỐ: 9310201

HÀ NỘI – 2025

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS VŨ HOÀNG CÔNG



Chủ tịch Hội đồng: PGS, TS HOÀNG PHÚC LÂM

Phản biện 1: PGS, TS. Nguyễn Anh Cường
Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 2: PGS, TS. Hồ Việt Hạnh
Học viện Khoa học xã hội

Phản biện 3: PGS, TS. Lâm Quốc Tuấn
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng Chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 14 giờ, ngày 16 tháng 5 năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia**
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới từ năm 2000 đến nay đã dẫn đến sự đô thị hóa mạnh mẽ tại Việt Nam. Tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42,7% và dự kiến sẽ vượt 50% vào năm 2030, với con số đô thị tăng từ 902 lên 1.000-1.200 vào năm 2050. Luật Tổ chức CQĐP 2015 quy định quản lý đô thị theo mô hình chính quyền đô thị để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trái ngược với xu thế chung, Bình Dương có tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, từ 24% năm 1997 lên hơn 82% vào năm 2021. Chính phủ đã ban hành Quyết định 790/QĐ-TTg, hướng đến việc biến Bình Dương thành thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung vào phát triển bền vững và công nghệ.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, Bình Dương vẫn gặp thách thức trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW, như thiếu quyết tâm thực hiện, chồng chéo chức năng, và cơ sở pháp lý chưa đầy đủ. Đó là lý do nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hiện nay (qua khảo sát tại Bình Dương)”*** cho luận án tiến sĩ chính trị học của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Từ góc độ chính trị học, cung cấp những luận cứ khoa học về Chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam và quan điểm, giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục tiêu nghiên cứu, đề tài đặt ra những nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Hai là, khái quát lý luận về đô thị và chính quyền đô thị, xây dựng khung lý thuyết về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, làm rõ thực trạng xây dựng chính quyền đô thị hiện nay ở Việt Nam (tập trung phân tích trường hợp các đô thị tại Bình Dương) - kết quả và những vấn đề cần giải quyết.

Bốn là, đề xuất quan điểm và giải pháp để thúc đẩy quá trình xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Địa bàn nghiên cứu: các đô thị cấp tỉnh trong cả nước, điển hình là tỉnh Bình Dương với ba loại đô thị chủ yếu: thành phố thuộc tỉnh, phường thuộc thành phố thuộc tỉnh và thị trấn thuộc huyện. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn xây dựng CQĐT cấp tỉnh hiện nay.

- Thời gian nghiên cứu: từ 2017 đến nay (tức là từ khi Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW “Một số vấn đề về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”).

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận chung: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin. Phương pháp luận này được tác giả sử dụng trong toàn luận án với tính cách là quan điểm, phương pháp luận nghiên cứu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Tác giả áp dụng nhiều phương pháp khác nhau để phân tích sự phát triển của chính quyền đô thị tại Việt Nam.

- Thống kê và phân loại: Trong Chương 2 cung cấp thông tin chi tiết về cấu trúc và đặc điểm của các đô thị hiện nay ở Việt Nam.

- So sánh: So sánh chính quyền đô thị Việt Nam với mô hình quản lý đô thị tiên tiến của Trung Quốc, Hoa Kỳ, và Cộng hòa Liên bang Đức. So sánh tổ chức bộ máy và biên chế chính quyền đô thị giữa tỉnh Bình Dương và các tỉnh tương đồng trong nước.

- Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa: Áp dụng trong các chương để phân tích dữ liệu tư liệu công bố, khái quát hóa các quan điểm lý luận làm cơ sở cho giải pháp trong luận án.

- Phỏng vấn sâu: Thực hiện phỏng vấn với cán bộ lãnh đạo và

chuyên viên trong cơ quan chính quyền đô thị ở Chương 3 nhằm thu thập thông tin về xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa khoa học

Từ góc độ khoa học chính trị, làm rõ khuôn khổ lý thuyết của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả tại tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung.

6. Đóng góp mới của Đề tài

- Về mặt lý luận: Cụ thể hoá tiêu chí chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện Việt Nam, với các tiêu chí sau:

- + *Tiêu chí về tinh gọn của chính quyền đô thị*
- + *Tiêu chí về hiệu lực của chính quyền đô thị*
- + *Tiêu chí về hiệu quả của chính quyền đô thị*

- Về mặt thực tiễn: Luận án đưa ra được 4 quan điểm và 5 giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, luận án kết cấu gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan tới đề tài

Chương 2: Cơ sở lý luận về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Chương 3: Thực trạng xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam hiện nay (Qua khảo sát ở Bình Dương)

Chương 4: Quan điểm, giải pháp xây dựng chính quyền đô thị hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đô thị

Bước vào thế kỷ 21, đô thị hóa toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế, xã hội và đời sống của người dân với hai xu hướng chính: Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu và Phát triển hệ thống đô thị vệ tinh: Nhiều quốc gia xây dựng các đô thị vệ tinh để giảm áp lực cho các thành phố trung tâm và cải thiện kết nối giao thông.

Nhiều nghiên cứu tập trung vào thách thức và cơ hội trong quá trình đô thị hóa, như quản lý dịch vụ công, an ninh trật tự và ô nhiễm môi trường. Cùng nhau, những nghiên cứu này làm nổi bật sự cần thiết phát triển các mô hình đô thị thông minh (ĐTTM) ứng dụng công nghệ cao như IoT, Big Data và AI nhằm giải quyết các vấn đề đô thị.

Cụ thể, các tác giả đã khai thác nhiều khía cạnh khác nhau về đô thị hóa và quản trị đô thị, chẳng hạn như:

- *Quản lý đô thị liên chính phủ*: Nghiên cứu của Curtis H. Wood (2005) chỉ ra rằng khu vực Kansas City đang chuyển sang hợp tác liên chính phủ trong quản lý dịch vụ công và đề xuất tăng cường thỏa thuận dịch vụ giữa các thành phố.

- *Thách thức của đô thị hóa*: Các tác giả Brenner và cộng sự (2011, 2012) nhấn mạnh rằng hình thành đô thị lớn mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đối mặt với các vấn đề như cung cấp dịch vụ công, tội phạm, ô nhiễm, và quản trị hiệu quả.

- *Đô thị thông minh*: Nghiên cứu gần đây về đô thị thông minh chỉ ra rằng các công nghệ như IoT, Big Data và AI có thể giúp cải thiện quản lý đô thị, nhưng cũng cần được áp dụng một cách có trách nhiệm để tránh các vấn đề tiềm ẩn.

- *Cơ chế hợp tác mới*: Cuốn sách "Urban Governance in Transition" của Hongshan Yang bàn về việc phát triển các cơ chế quản trị tích cực nhằm giải quyết vấn đề trong quản lý đô thị hiện nay, đặc biệt là ở Trung Quốc.

- *Cân nhắc giữa công nghệ và thực tiễn*: Nghiên cứu của Tan Yigitcanlar (2021) cảnh báo về việc áp dụng công nghệ AI trong chính quyền địa phương và nhấn mạnh sự cần thiết của đổi mới đô thị có trách nhiệm.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về chính quyền đô thị

Hiện nay, nhiều thành phố trên thế giới đang nỗ lực đa dạng hóa mô hình tổ chức chính quyền đô thị (CQĐT) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân tốt hơn. Nghiên cứu các mô hình CQĐT hiện đại là cần thiết cho Việt Nam để tạo ra một CQĐT tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

Mô hình Chính quyền đô thị tại Austin: Frank Staniszewski (2007) nhấn mạnh rằng việc huy động nguồn lực từ dân cư là rất quan trọng để cung cấp dịch vụ công hiệu quả. Sự tham gia của người dân cùng với phân cấp mạnh mẽ là yếu tố then chốt.

Mô hình tổ chức chính quyền đô thị ở Trung Quốc: Li Hezhong (2012) mô tả hệ thống chính quyền 5 cấp của Trung Quốc và việc cải cách để bỏ đơn vị hành chính cấp địa khu, nhấn mạnh nguyên tắc “tinh quản huyện”.

Berlin sau khi thống nhất Đức: Bernd Stöver phân tích Berlin là "thành phố 3 trong 1", cho thấy sự gần gũi với người dân và sự tự quản địa phương qua cấu trúc hành chính riêng biệt.

Mô hình tổ chức CQĐT trên thế giới rất đa dạng, phản ánh đặc điểm văn hóa, lịch sử và địa lý. Để xây dựng CQĐT hiệu quả tại Việt Nam, cần nghiên cứu kỹ các mô hình và có kế hoạch thử nghiệm cụ thể để đánh giá tính khả thi.

1.2. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

- *Đô thị hóa ở Việt Nam*: Các nghiên cứu cho thấy đô thị hóa không chỉ xảy ra ở các thành phố lớn mà còn ảnh hưởng đến khu vực nông thôn, thông qua di cư tự phát. Một số tác phẩm tiêu biểu như "Toàn cầu hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam đương đại" đã làm rõ mối liên hệ giữa đô thị và nông thôn cùng với các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

- *Chính quyền địa phương (CQDP)*: Nghiên cứu của Bùi Xuân Đức nêu lên yêu cầu cải cách để nâng cao hiệu quả quản lý tại địa phương. PGS.TS Vũ Thư nhàn mạnh việc tổ chức quyền lực nhà nước cần phân quyền hợp lý và thực thi dân chủ.

- *Chính quyền đô thị*: Đề tài của Phạm Hồng Thái tập trung vào cấu trúc tổ chức CQĐT tại các đô thị lớn. Nghiên cứu của Lê Cẩm Hà và Nguyễn Thị Thủy cũng khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng CQĐT trong cải cách hành chính.

- *Nghiên cứu theo từng địa phương*: Xây dựng CQĐT là chủ đề mới mẻ, với nhiều cuộc điều tra tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Thủ Đức. Các nghiên cứu đã chỉ ra tình trạng hiện tại và đề xuất cải tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong quản lý đô thị. Các yếu tố như vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tham gia của người dân cũng được xem xét kỹ lưỡng.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Các công trình nghiên cứu tại Việt Nam về xây dựng chính quyền đô thị (CQĐT) theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

Mô hình chính quyền đô thị: Tác giả Việt Anh nhấn mạnh sự quan trọng của việc đổi mới mối quan hệ giữa các cấp chính quyền và tổ chức chính trị để nâng cao hiệu quả quản lý đô thị tại Hà Nội.

Quá trình xây dựng CQĐT tại TP.HCM: Tác giả Long Hồ đề xuất tăng cường tự chủ, phân cấp cho CQĐT nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động.

Lý luận về tổ chức bộ máy Nhà nước: Bài viết của Hồ Tấn Sáng và Mai Thị Hồng Liên tập trung vào việc thiết lập cơ chế hợp lý để cải thiện hiệu lực của bộ máy Nhà nước.

Đề tài nghiên cứu của TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong việc xây dựng chính quyền đô thị ở Hà Nội, đồng thời đề xuất các giải pháp cải cách hành chính.

Thí điểm mô hình CQĐT: Có nhiều khuyến nghị về việc cắt giảm hội đồng nhân dân cấp phường tại Hà Nội, điều này tạo ra áp lực lên các bộ phận khác nhưng lại thúc đẩy hiệu quả quản lý.

Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động: Tác giả Lê Ngọc Duy nêu các

giải pháp như cải cách pháp luật, điều chỉnh nhiệm vụ của các cấp hội đồng và ủy ban, cùng với nâng cao năng lực cán bộ.

1.3. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Những kết quả đạt được

Các thành công đáng chú ý của những nghiên cứu này bao gồm: Cung cấp kiến thức toàn diện về CQĐT, gồm lý luận và thực tiễn từ quốc tế đến địa phương; Khẳng định vai trò quan trọng của một đô thị tinh gọn và hiệu lực tại Việt Nam; Đưa ra quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và định hướng phát triển cho CQĐT ở các tỉnh; Chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng và những vấn đề phức tạp trong quá trình xây dựng CQĐT; Đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp lý và mô hình phát triển CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực.

Những nghiên cứu này không chỉ có giá trị khoa học mà còn là tài liệu tham khảo quan trọng trong việc phát triển chính quyền đô thị tại Việt Nam.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cho luận án cần tập trung nghiên cứu

Việc nghiên cứu về xây dựng chính quyền đô thị (CQĐT) tại các tỉnh ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi mà quốc gia đang trong giai đoạn đầu xây dựng CQĐT với ít công trình nghiên cứu cụ thể.

Nội dung nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề quan trọng: Làm rõ định nghĩa và những nét đặc trưng của CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; Xác định các cơ sở pháp lý và nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng CQĐT ở đô thị tỉnh; Thiết lập khung đánh giá cho CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; Phân tích thực trạng xây dựng CQĐT tại tỉnh Bình Dương, chỉ ra các yếu tố hạn chế và thách thức hiện tại; Đưa ra quan điểm và các giải pháp nhằm cải thiện CQĐT tại các đô thị thuộc các tỉnh ở Việt Nam.

Mục tiêu nghiên cứu là hệ thống hóa cơ sở lý luận cũng như thực tiễn về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, từ đó cung cấp cái nhìn khái quát trên phạm vi cả nước và đề xuất giải pháp phù hợp.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

2.1. KHÁI NIỆM ĐÔ THỊ VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.1. Khái niệm đô thị và đặc điểm của đô thị

2.1.1.1. Khái niệm đô thị

Khái niệm đô thị tại Việt Nam không đồng nhất nhưng đều hướng đến việc phát triển và quản lý nguồn lực con người và kinh tế trong những khu vực đông đúc này. Có thể xác định đô thị bằng cách: Theo cấu trúc, Theo hành chính hoặc Tiêu chí xác định đô thị. Như vậy, có thể đưa ra quan niệm về đô thị như sau: *Đô thị là tên gọi chung các thành phố, thị xã, thị trấn và được hiểu là nơi tập trung dân cư đông đúc, là trung tâm của một vùng lãnh thổ với hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ.*

2.1.1.2. Về phân loại đô thị

Theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH và sửa đổi trong Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15, đô thị Việt Nam được phân thành năm loại với các tiêu chí cụ thể như sau: Đô thị loại đặc biệt; Đô thị loại I; Đô thị loại II; Đô thị loại III; Đô thị loại IV và Đô thị loại V. Phân loại này giúp xác định rõ vai trò và chức năng của các đô thị trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại từng khu vực.

2.1.1.3. Các đặc điểm cơ bản của đô thị

Đô thị trên thế giới có những đặc điểm chung nhưng cũng phụ thuộc vào từng vùng miền và quốc gia. Các đô thị đều có những đặc trưng chính dựa trên các yếu tố bao gồm: Tiềm năng vị thế; Cấu trúc không gian vật chất; Con người; Quản lý hành chính; Khoa học công nghệ.

Nhìn chung, đô thị là trung tâm phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ, giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đầu tư và phát triển bền vững. Sự hấp dẫn của đô thị đối với mọi thành phần trong xã hội ngày càng gia tăng nhờ những ưu thế vượt trội này.

2.1.2. Thực trạng phát triển đô thị ở Việt Nam hiện nay

Sau Đổi mới (1986), quá trình đô thị hóa tại Việt Nam đã diễn ra

manh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn 2000-2010, với tốc độ tăng trưởng nhanh. Giai đoạn 2011-2020 chứng kiến sự kết hợp giữa phát triển kinh tế và đô thị hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Dự báo đến năm 2030 và 2050, tỷ lệ đô thị hóa sẽ tiếp tục tăng, với khoảng 1.000 - 1.200 đô thị trên toàn quốc. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa vẫn bộc lộ nhiều vấn đề như sự không đồng đều giữa các vùng, mật độ xây dựng thấp, và khó khăn trong việc phát triển bền vững. Ngoài ra, việc thích ứng với biến đổi khí hậu và sự mất cân đối trong thị trường bất động sản cũng là những thách thức lớn mà Việt Nam cần phải giải quyết để đảm bảo sự phát triển đô thị hiệu quả và bền vững.

2.2. CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM

2.2.1. Khái niệm chính quyền đô thị

Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm Tổ chức chính quyền ở các đô thị của Việt Nam qua các thời kỳ và tổ chức hoạt động của một số thành phố trên thế giới, có thể đưa ra khái niệm chung về CQĐT ở Việt Nam như sau: *Chính quyền đô thị ở Việt Nam là bộ máy điều hành và quản lý công việc của Nhà nước ở đô thị tại thành phố trực thuộc Trung ương/quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương/phường, thị trấn bao gồm cơ quan quyền lực nhà nước (HĐND các cấp) tại địa phương, cơ quan chấp hành và hành chính (UBND các cấp) tại địa phương, cùng với hệ thống các cấp hành chính trực thuộc.*

2.2.2. Chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn

Có thể nhận thấy sự khác biệt giữa nông thôn và đô thị từ nhiều khía cạnh như kinh tế, dân cư và văn hóa. Cụ thể như:

- *Kinh tế*: Nông thôn thường gắn liền với sản xuất nông nghiệp, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa người dân với đất đai.

- *Dân cư*: Các khu vực này có quy mô nhỏ, với mật độ dân số thấp, thường tập trung trong những địa giới hành chính cụ thể.

- *Văn hóa*: Văn hóa nông thôn chịu ảnh hưởng lớn từ hương ước và lệ làng. Quan hệ xóm làng sâu sắc, dựa nhiều vào mối quan hệ huyết thống, dòng tộc. Sự cố kết cộng đồng cao, ứng xử xã hội chủ yếu dựa vào luật tục và lễ nghi.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cả chính quyền đô thị

và nông thôn đều có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Tuy nhiên, do đặc thù của đô thị, Luật Tổ chức CQĐP năm 2015 quy định HĐND đô thị được trao quyền quyết định các vấn đề liên quan đến quy hoạch, quản lý dân cư và tổ chức đời sống tại đô thị. Ủy ban nhân dân đô thị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý đô thị, như huy động vốn và phát triển cơ sở hạ tầng.

Do đó, cơ cấu tổ chức chính quyền đô thị có sự khác biệt với nông thôn, với việc HĐND cấp tỉnh, huyện ở đô thị có Ban kinh tế-đô thị và UBND đô thị cấp tỉnh có Sở quy hoạch, kiến trúc.

2.2.3. Chủ trương của Đảng về sắp xếp hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Theo Kết luận số 34-KL/TW, Bộ Chính trị đặt tiêu chí tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả làm mục tiêu cho việc đổi mới hệ thống chính trị. Một số địa phương đã thực hiện mô hình này với kết quả rất khác nhau như: Quảng Ninh: Thực hiện hợp nhất chức danh, tiết kiệm đáng kể chi phí hoạt động (202 tỷ đồng); Long An: Dự kiến giảm lớn trong biên chế, tiết kiệm được khoảng 127 tỷ đồng mỗi năm; Hải Phòng: Chưa hoàn tất việc thực hiện và có sự chậm trễ trong việc hợp nhất các cơ quan.

Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn chưa chứng minh được hiệu quả rõ rệt về chính trị, hành chính hay kinh tế từ việc thực hiện mô hình thí điểm. Cần thời gian và dữ liệu đáng tin cậy để đánh giá hiệu quả bền vững của các biện pháp này. Nhìn chung, chưa đủ bằng chứng để khẳng định hiệu quả rõ rệt từ các mô hình thí điểm ở các địa phương, và cần có bộ tiêu chí để đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả một cách khách quan hơn.

2.3. CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TINH THEO HƯỚNG GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

2.3.1. Quan niệm về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Theo Từ điển Tiếng Việt định nghĩa “tinh” và “gọn” nhằm mô tả tổ chức chính quyền tinh gọn như một hệ thống có sự cân đối, vừa đủ và các thành viên đạt trình độ cao. Hiệu lực được hiểu là việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn, kịp thời, còn hiệu quả ám chỉ kết quả đạt được so với nguồn lực đã chi. Theo tác giả Hồ Tấn Sáng và Mai Thị Hồng Liên, Nhà nước và Chính phủ hoạt động hiệu lực, hiệu quả phải kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân và lợi

ích quốc gia, dựa trên nguyên tắc "ít nhưng tốt". Tác giả Đặng Xuân Hoan nhấn mạnh rằng Chính phủ cần gọn nhẹ, bao quát nhiều lĩnh vực quản lý mà không bị chồng chéo về chức năng để đảm bảo tính năng động và hiệu quả trong hoạt động.

Mặc dù các tác giả chưa đưa ra khái niệm về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả nhưng đã đưa ra các dấu hiệu nội hàm của nó. Từ đó, gắn với quan niệm về chính quyền đô thị, tác giả đưa ra quan niệm: *Chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là bộ máy điều hành và quản lý công việc của Nhà nước ở đô thị tại thành phố trực thuộc Trung ương/quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương/phường, thị trấn bao gồm HĐND và UBND các cấp tại địa phương được tổ chức hợp lý, là chính quyền kiến tạo, phát triển hướng tới phục vụ lợi ích của Nhân dân, quốc gia và dân tộc.* Từ quan niệm này có thể chỉ ra những điểm khác biệt giữa chính quyền đô thị hiện nay và mô hình chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả:

2.3.2. Những tiêu chí đánh giá cụ thể của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

2.3.2.1. Tính tinh gọn của chính quyền đô thị

- Nội dung chủ yếu bao gồm: Giảm bớt tầng nấc quản lý: Giảm số lượng cơ quan trung gian không cần thiết, phân cấp quản lý rõ ràng; Tối ưu hóa nhân sự: Giảm biên chế, loại bỏ vị trí thừa, nâng cao chất lượng đội ngũ qua đào tạo và tuyển dụng; Cải cách thủ tục hành chính: Đơn giản hóa quy trình, áp dụng công nghệ thông tin để gia tăng minh bạch; Nâng cao hiệu quả hoạt động: Khuyến khích trách nhiệm và tính minh bạch trong thực hiện nhiệm vụ; Tiết kiệm ngân sách: Giảm chi phí vận hành và sử dụng nguồn lực tài chính hiệu quả; Tăng cường tính chuyên môn hóa: Phát triển các đơn vị chuyên trách có năng lực; Phát huy vai trò của địa phương: Tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm của chính quyền địa phương; Xây dựng môi trường làm việc tích cực: Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và khuyến khích đổi mới.

- *Tiêu chí tinh gọn bộ máy chính quyền:* Cấu trúc tổ chức đơn giản và linh hoạt: Cần có ít cơ quan, chức năng rõ ràng, tránh trùng lặp và thủ tục đơn giản; Số lượng cán bộ, công chức được tối ưu hóa: Giảm thiểu số lượng

và nâng cao năng lực cán bộ thông qua bồi dưỡng; Hiệu quả và hiệu suất công việc được nâng cao: Thiết lập chỉ số đo lường hiệu quả và áp dụng công nghệ thông tin vào quy trình làm việc.

2.3.2.2. Tính hiệu lực của chính quyền đô thị

- *Nội dung chính "hiệu lực" của bộ máy chính quyền có thể được phân tích qua các khía cạnh sau:* Hiệu lực về pháp lý: Đảm bảo tính hợp pháp, quyền hạn rõ ràng cho các cơ quan và cán bộ chính quyền; Hiệu lực về thực thi: Khả năng triển khai chính sách, luật pháp hiệu quả với sự công bằng và nhất quán; Hiệu lực đáp ứng nhu cầu người dân: Chính quyền cần lắng nghe và giải quyết vấn đề, cung cấp dịch vụ công hiệu quả; Hiệu lực quản lý và điều phối: Quản lý tốt nguồn lực và hoạt động giữa các cơ quan trong hệ thống; Hiệu lực trách nhiệm giải trình: Các cơ quan và cán bộ phải chịu trách nhiệm trước dân, cung cấp thông tin minh bạch.

- *Tiêu chí hiệu lực bao gồm:* Khả năng thực thi chính sách: Đảm bảo triển khai và thực hiện các chính sách rõ ràng; Phản ứng nhanh và linh hoạt: Khả năng ứng phó kịp thời với thay đổi xã hội và nhu cầu mới; Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Cần hoạt động minh bạch để tăng cường lòng tin và giám sát từ công chúng.

2.3.2.3. Tính hiệu quả của chính quyền đô thị

- *Các nội dung chính của tính hiệu quả:* Đạt được mục tiêu, nhiệm vụ; Sử dụng tối ưu nguồn lực; Tính kịp thời và đáp ứng; Tính công bằng và minh bạch; Hướng đến người dân phục vụ.

- *Tiêu chí đánh giá hiệu quả:* Tối ưu hóa nguồn lực; Cung cấp dịch vụ chất lượng cao; Đạt được mục tiêu và kết quả mong đợi.

2.3.3. Cơ sở chính trị, pháp lý và những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

2.3.3.1. Cơ sở chính trị của việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Nghị quyết 18-NQ/TW: Nhất quán với việc đổi mới hệ thống chính trị, gắn liền với tinh giản biên chế và cải cách chính sách tiền lương.

Nghị quyết số 06-NQ/TW: Định hướng phát triển đô thị bền vững đến năm 2030, chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại, chất lượng sống cao cho cư dân đô thị.

Những quan điểm và nghị quyết nêu trên tạo nền tảng để tiếp tục xây dựng một chính quyền đô thị hiện đại, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

2.3.3.2. Cơ sở pháp lý của việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Cơ sở pháp lý và hệ thống tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương (CQĐP) ở đô thị tại Việt Nam, từ Hiến pháp đến các luật tổ chức có liên quan. Nó nhấn mạnh vai trò của môi trường pháp lý trong việc xây dựng CQĐT tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó bao gồm Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức CQĐP 2015, quy định rõ cấu trúc và chức năng của CQĐP tại đô thị.

2.3.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Trong xây dựng CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả có thể kể đến các yếu tố ảnh hưởng như sau: Hoàn thiện thể chế; Phân cấp, phân quyền; Nguồn nhân lực; Cơ sở hạ tầng kỹ thuật; Điều kiện kinh tế-xã hội; Sự tham gia của người dân và doanh nghiệp; Phương thức lãnh đạo của Đảng.

2.4. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG GỢI Ý CHO VIỆT NAM

2.4.1. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị ở Trung Quốc

Trung Quốc và Việt Nam đều áp dụng mô hình Xô Viết trong tổ chức chính quyền. Trung Quốc đang thực hiện cải cách bằng cách bỏ đơn vị hành chính cấp địa khu, áp dụng nguyên tắc "tỉnh quản huyện". Một số tỉnh đã thử nghiệm mô hình mới nhằm tiết kiệm nguồn lực và tăng hiệu quả quản lý. Từ những điểm so sánh trên, có thể thấy rằng việc tìm hiểu mô hình CQĐP của Trung Quốc có thể cung cấp những bài học quý giá cho sự cải cách CQĐP và CQĐT tại Việt Nam.

2.4.2. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị ở Hoa Kỳ

Mô hình hội đồng và thị trưởng ở Hoa Kỳ: Thị trưởng được cử trực tiếp bởi cử tri, trách nhiệm cao hơn so với các mô hình khác. Nghiên cứu áp dụng mô hình của Hoa Kỳ có thể giúp Việt Nam nâng cao tổ chức chính quyền địa phương, gia tăng tính dân chủ và hiệu quả. Những mô hình tổ chức CQĐP tại Hoa Kỳ góp phần tạo ra một bộ máy hành chính hiệu quả, chịu trách nhiệm và có tính thích ứng cao, điều này có thể là bài học quý giá cho việc cải tiến hệ thống CQĐP tại Việt Nam.

2.4.3. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị ở Cộng hòa Liên bang Đức

Tại Đức nguyên tắc phân quyền: Không có cơ quan giám sát từ cấp trên đối với cấp dưới, chính quyền địa phương chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ. Chính quyền địa phương có khả năng kiểm soát nhân quyền, tổ chức, quy hoạch, lập pháp, tài chính và thuế một cách độc lập. Cần rút kinh nghiệm từ hệ thống quản trị địa phương ở Đức để cải thiện tổ chức và quản lý CQĐP, đặc biệt là giao quyền tự chủ cao hơn cho CQĐT tại đô thị, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội địa phương.

2.4.5. Những kinh nghiệm rút ra đối với xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam

- *Một là*, các đô thị khác nhau chọn mô hình chính quyền phù hợp theo điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa của mình.

- *Hai là*, các bộ máy chính quyền đô thị thường được tổ chức tinh gọn và giảm bớt nấc trung gian để nâng cao khả năng quản lý.

- *Ba là*, Để tránh rủi ro và phát triển hệ thống quản trị, nhiều tổ chức quốc tế đã đưa ra khuyến nghị cùng với khung kiến trúc và bộ chỉ tiêu, nhằm xây dựng đô thị thông minh bền vững.

Việt Nam có thể nghiên cứu vận dụng các mô hình tổ chức CQĐT đã thành công ở nước ngoài vào thực tiễn Việt Nam, như áp dụng mô hình hai cấp chính quyền và chế độ thủ trưởng hành chính, cùng với việc phân cấp quản lý ngân sách cho phù hợp với đặc thù đô thị.

Chương 3

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HIỆN NAY (QUA NGHIÊN CỨU Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG) VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

3.1. HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ VÀ CHÍNH QUYỀN CỦA CÁC ĐÔ THỊ Ở BÌNH DƯƠNG

3.1.1. Khái quát về tỉnh Bình Dương

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và giáp ranh với Bình Phước, Đồng Nai, TP.

Hồ Chí Minh và Tây Ninh. Tỉnh có tỷ lệ đô thị hóa đạt 84,4% với hệ thống hạ tầng được nâng cấp. Đến năm 2030, Bình Dương hướng tới trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, xây dựng thành phố thông minh và phát triển bền vững, nhằm trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Những thành quả này góp phần vào quá trình đô thị hóa nhanh chóng và hiện đại hóa chính quyền đô thị thích ứng với xu hướng phát triển mới.

3.1.2. Phát triển đô thị ở tỉnh Bình Dương trong giai đoạn từ 2016 đến nay

Bình Dương hiện bao gồm 5 thành phố và các thị trấn thuộc 4 huyện, đáp ứng tiêu chí đô thị Việt Nam. Tỉnh đang triển khai Đề án Thành phố thông minh Bình Dương theo mô hình Ba nhà (Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học) để thúc đẩy nghiên cứu và khởi nghiệp. Quản lý phát triển đô thị được thực hiện đồng bộ với Chương trình phát triển đô thị quốc gia, với hiện tại tỉnh có 1 đô thị loại I, 1 đô thị loại II, 3 đô thị loại III, và 4 đô thị loại V.

3.1.3. Cơ cấu tổ chức chính quyền ở các đô thị Bình Dương hiện nay

3.1.3.1. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của HĐND và UBND các cấp của chính quyền đô thị

- Đối với HĐND các cấp:

HĐND thành phố thuộc tỉnh: Thường trực HĐND gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 2 Ủy viên (Trưởng ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế). Số lượng đại biểu tương ứng theo tiêu chí dân cư. Nhiệm vụ chính: Quyết định quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị; Chính sách thu hút đầu tư; Quản lý dân cư và đời sống đô thị; Giám sát và quyết định tập thể, thực hiện quyền tự chủ trong quản lý vấn đề đô thị như hạ tầng giao thông, hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp.

HĐND cấp phường, thị trấn: Giống như HĐND thành phố, gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 2 Ủy viên. Số lượng đại biểu từ 25 đến 27. Nhiệm vụ cụ thể: Ban hành nghị quyết và quản lý ngân sách địa phương; Giám sát thực thi pháp luật và thực hiện bầu cử tổ chức; Quyết định bãi nhiệm đại biểu và xử lý văn bản trái pháp luật.

- Đối với UBND các cấp:

Tổ chức và hoạt động theo Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 và Luật Tổ chức CQĐP 2015. Lãnh đạo UBND gồm 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và các ủy viên. Nhiệm vụ của Chủ tịch UBND: Quản lý hạ tầng đô thị, đất đai và tài nguyên; Giải quyết việc làm, đảm bảo trật tự công cộng và an toàn giao thông; Quản lý nhà ở và thương mại, phục vụ phát triển bền vững.

3.1.3.2. Cơ chế quản lý hành chính của chính quyền đô thị

- *Cấu trúc của Ủy ban Nhân dân thành phố*: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (không quá ba), và các ủy viên từ các cơ quan chuyên môn, quân sự, công an. Chịu sự chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Trung ương và tỉnh.

- *Các cơ quan chuyên môn hỗ trợ*: Gồm nhiều phòng chức năng như Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường, Quản lý Đô thị, và các phòng khác, mỗi phòng có quy chế hoạt động riêng.

3.2. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

3.2.1. Những nỗ lực thực hiện tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả bộ máy chính quyền tỉnh Bình Dương từ năm 2017 đến nay

Hoàn thiện tổ chức CQĐP: Đề nghị tiếp tục hoàn thiện tổ chức cơ quan quản lý nhà nước phù hợp với các vùng nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính đặc biệt.

Mô hình chính quyền đô thị: Đề xuất xây dựng mô hình chính quyền đô thị gọn nhẹ, hiệu quả, thông qua việc thí điểm các phương án quản trị đô thị.

Chỉ đạo từ Tỉnh ủy Bình Dương: Nhấn mạnh sự cần thiết đổi mới và sắp xếp lại bộ máy chính trị để đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Triển khai Nghị quyết 18-NQ/TW: Xác định thực hiện Nghị quyết về cải cách bộ máy chính trị là nhiệm vụ trọng tâm, đi kèm lộ trình rõ ràng.

Đề án 711: Một sáng kiến nhằm giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị tỉnh.

Kết quả cụ thể: Tỉnh Bình Dương đã giảm 27 đơn vị công lập so với mục tiêu đề ra và đạt được những kết quả bước đầu trong quá trình cải cách.

3.2.2. Đánh giá bộ máy chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh Bình Dương

3.2.2.1. Công tác tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh Bình Dương (trong đó có chính quyền đô thị)

Kết quả sắp xếp theo Nghị quyết 18 của Ban Chấp hành Trung ương, tỉnh đã tiến hành rà soát và sắp xếp lại tổ chức hành chính từ ngày 30/6/2017 đến 31/12/2020: Tỉnh giữ nguyên 18 sở và 1 Ban Quản lý KCN (giảm 1 Ban), nhưng giảm số lượng chi cục và phòng; Biên chế ở các khối giảm từ 27% đến hơn 31%. Số biên chế cụ thể: Khối đảng và đoàn thể giảm 342 (27,14%); Khối hành chính Nhà nước giảm 803 (31,09%); Cấp xã giảm 1.156 người (30,32%).

Bình Dương đạt kết quả đáng kể trong việc tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18. Tuy nhiên, việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ vẫn cần chú trọng hơn nữa đến kỹ năng số hóa, ngoại ngữ, và kiến thức quản lý đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển.

3.2.2.2. Thực trạng hiệu lực của bộ máy của chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương

- Tính minh bạch và sự tham gia của người dân: Các chỉ số từ năm 2017 đến 2022 cho thấy: Có sự gia tăng từ 4,33 lên 5,95, thể hiện sự quan tâm hơn của công chúng; Công khai, minh bạch: Chỉ số dao động từ 5,0 đến 6,25, có xu hướng ổn định sau năm 2021; Trách nhiệm giải trình: Chưa có sự cải thiện đáng kể với các chỉ số giữ nguyên; Kiểm soát tham nhũng: Đáng kể tăng từ 4,99 lên 8,15 năm 2020, nhưng giảm nhẹ đến 7,94 năm 2022; Thủ tục hành chính công: Tăng từ 6,97 lên 7,63 trước khi giảm xuống 7,48 vào năm 2022.

- Cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực chính quyền đô thị: Bình Dương đã tiến hành nhiều cải cách hành chính góp phần vào phát triển đô thị. Các thủ tục hành chính được đơn giản hóa, song mức độ phục vụ vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của người dân.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý: Tỉnh đã tập trung vào việc xây dựng chính quyền điện tử, đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Cung ứng dịch vụ công: Quản lý phát triển đô thị gắn liền với chất lượng cuộc sống, từ hạ tầng, y tế đến giáo dục đều được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, còn một số lĩnh vực cần phải đầu tư hơn nữa.

- Chuyển đổi số: Nỗ lực chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ ở cả cấp tỉnh

và cấp phường, với tỷ lệ cao trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, điều này còn có sự không đồng nhất giữa các cấp quản lý, cần tiếp tục cải thiện để phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

3.2.2.3. Thực trạng hiệu quả điều hành của bộ máy của chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương

- Kết quả phát triển kinh tế - xã hội: GRDP tăng trưởng liên tục, với tỷ lệ tăng 6,91% năm 2020 và 6,19% nửa đầu năm 2024. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp chiếm 66,94%, dịch vụ 21,98%, còn nông nghiệp chỉ 3,15%.

- An sinh xã hội: Các hoạt động chăm sóc đời sống cho người có công và nghèo khổ được triển khai hiệu quả.

- Vấn đề môi trường: Tình hình xử lý chất thải và nước thải vẫn còn nhiều thách thức, do vậy có kế hoạch “Thành phố không rác” nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- Thống kê và chỉ tiêu: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Bình Dương lọt vào nhóm dẫn đầu nhưng giảm bậc so với năm trước. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index): Đạt 84,78 điểm, xếp thứ 35/63, cho thấy nhiều vấn đề cần cải thiện. Chỉ số hài lòng SIPAS: Có xu hướng tăng lên đến năm 2019, sau đó giảm nhẹ; tổng thể sự phục vụ hành chính đã cải thiện đáng kể.

- Thu hút đầu tư: Bình Dương thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt 723,3 triệu USD trong quý I năm 2023, là tỉnh đứng thứ hai cả nước về thu hút FDI, cho thấy sự phát triển nhanh chóng của đô thị nơi đây.

3.2.3. So sánh việc xây dựng chính quyền đô thị ở Bình Dương với một số tỉnh tương đồng

Tất cả các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Khánh Hòa đều tổ chức chính quyền đô thị theo đúng Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015. Tuy nhiên, vẫn tồn tại vấn đề là cơ cấu tổ chức HĐND và UBND giữa đô thị và nông thôn gần như không có sự khác biệt, gây ra tình trạng chồng chéo và thiếu hiệu quả trong quản lý.

3.3. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN PHẢI GIẢI QUYẾT

3.3.1. Những hạn chế về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương

Có thể kể đến những hạn chế chủ yếu trong xây dựng chính quyền đô

thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương như sau: Các thành phố này đang chuyển đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, dẫn đến sự khác biệt rõ rệt trong phát triển so với nông thôn; Cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương còn thiếu hiệu quả, đặc biệt là tại các thành phố; Sáp nhập và kiêm nhiệm nhiều chức danh gặp khó khăn về chức năng nhiệm vụ và đầu tư cơ sở vật chất; Áp lực từ biến động dân số và khối lượng công việc gia tăng khiến cán bộ gặp khó khăn trong quản lý; Đô thị phải có cách quản lý phù hợp với tính chất phức tạp và yêu cầu cao từ công việc; CQĐT cần cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ, nhưng nhiều lĩnh vực như xử lý rác thải, hạ tầng giao thông còn yếu kém; Mặc dù có đào tạo thường xuyên, nhưng năng lực chuyên môn và trách nhiệm của cán bộ công chức vẫn cần cải thiện.

3.3.2. Nguyên nhân hạn chế về xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương

- *Cơ cấu tổ chức và thể chế chính quyền đô thị*: Thiếu phân biệt rõ giữa chính quyền đô thị và nông thôn; Thiếu thể chế đặc thù ảnh hưởng tới phân bổ nguồn lực và tốc độ đô thị hóa bền vững; Thiếu cơ chế rõ ràng về chức năng và nhân sự sau sáp nhập gây chồng chéo và không hiệu quả; Cơ sở vật chất và nhân sự chưa được chuẩn bị đầy đủ gây khó khăn trong hoạt động.

- *Tinh gọn bộ máy chính quyền đô thị*: Các địa phương không quyết tâm thực hiện; Các biện pháp tinh gọn chưa thực hiện rộng rãi và gặp nhiều khó khăn; Về việc hợp nhất các cơ quan gặp nhiều khó khăn; Khó khăn trong chọn người lãnh đạo có phẩm chất, lo ngại về kiểm soát quyền lực.

- *Phân cấp, phân quyền và năng lực lãnh đạo*: Phân cấp chưa rõ; Hạn chế tài chính và nhân sự; Thiếu chủ động lãnh đạo.

- *Cung cấp dịch vụ công và hạ tầng đô thị*: Thiếu đầu tư hạ tầng đô thị; Nguồn lực dịch vụ công hạn chế.

- *Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức*: Năng lực chưa đáp ứng yêu cầu; Thiếu kỹ năng mềm.

3.3.3. Những vấn đề nảy sinh cần giải quyết

Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh ở Việt Nam, những vấn đề cần giải quyết để xây dựng CQĐT tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cần tập trung bao gồm: Cần sự quyết tâm từ Tỉnh ủy, HĐND, UBND để xây dựng mô hình

CQĐT phù hợp; Hoàn thiện khung pháp lý cho CQĐT, đảm bảo phân định rõ ràng giữa đô thị và nông thôn; Cải cách bộ máy CQĐT qua việc tinh giản, sắp xếp lại chức năng. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, tăng cường minh bạch và tham gia của người dân vào quản lý đô thị; Đầu tư mạnh mẽ vào phát triển hạ tầng đô thị, cải thiện chất lượng dịch vụ công và quản lý môi trường; Cần thu hút đầu tư tư nhân và quản lý nguồn lực hiệu quả; Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhu cầu phát triển ở đô thị.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ Ở CÁC TỈNH THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

4.1. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

4.2.1. Xây dựng CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là khách quan, cấp bách và lâu dài, phù hợp xu hướng hiện đại của thế giới, có ý nghĩa toàn diện cả chính trị và hành chính, kinh tế, xã hội

- Chính trị và hành chính: Cải thiện cấu trúc tổ chức và quản lý nhà nước; Nâng cao tính linh hoạt và nhanh chóng trong quyết định, đáp ứng kịp thời nhu cầu công dân và doanh nghiệp.

- Kinh tế: Tạo ra môi trường thuận lợi cho kinh doanh và đầu tư; Đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến pháp lý giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Xã hội: Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thông qua cung cấp dịch vụ công nhanh chóng và hiệu quả; Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quản lý đô thị.

- Lâu dài: Cần có một CQĐT hiện đại để đối mặt với thách thức như biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, đồng thời thực hiện chính sách phát triển bền vững.

4.1.2. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải phù hợp với thể chế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị

Sự lãnh đạo của Đảng đối với CQĐT và đặc biệt là CQĐT. Cơ chế

“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” được xem là yếu tố then chốt nhằm đảm bảo hoạt động của CQĐP đúng với ý chí của Đảng và lòng dân. Nguyên tắc lãnh đạo này được xác định trong Hiến pháp 2013.

4.1.3. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Việc xây dựng bộ máy nhà nước, bao gồm cả CQĐT, phải đảm bảo tính hợp hiến để duy trì sự ổn định chính trị và tạo khung pháp lý cho các cải cách. Hiến pháp quy định các cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm ngăn chặn lạm quyền trong tổ chức chính quyền, từ đó gia tăng tính chính danh và niềm tin của dân vào hệ thống chính trị. Tóm lại, sự phát triển chính quyền đô thị ở Việt Nam phải dựa trên Hiến pháp để đảm bảo tính hợp pháp và bền vững.

4.1.4. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải nhất quán, đồng bộ trong mỗi địa phương và gắn liền với phát huy dân chủ, nâng cao tính tự chủ của chính quyền địa phương

- *Phân cấp và phân quyền*: Cần thiết để tăng cường tính khoa học và hợp lý trong quản lý nhà nước. Đảm bảo trách nhiệm và cung cấp nguồn lực cho các địa phương.

- *Kiểm tra và giám sát*: Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm duy trì sự thống nhất trong quản lý của Chính phủ.

- *Xác định rõ trách nhiệm*: Giữa Chính phủ, các bộ và cơ quan địa phương để khắc phục chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ. Đặc biệt, nhấn mạnh vai trò của người đứng đầu tại các cơ quan hành chính.

- *Chính quyền đô thị*: Cần có hệ thống thể chế đồng bộ và kiện toàn bộ máy tổ chức để thực hiện hiệu quả.

- *Đặc trưng văn hóa*: Sự phát triển chính quyền đô thị có đặc thù riêng do nền nông nghiệp lúa nước, cần thời gian điều chỉnh và cải tiến.

- *Mô hình CQĐT*: Yêu cầu một bộ máy chính quyền tinh gọn và hiệu quả hơn, với sự phân quyền và ủy quyền để cải thiện tính tự chủ.

- *Thận trọng trong triển khai*: Đảm bảo ổn định cho các tổ chức chính quyền hiện tại khi thực hiện mô hình CQĐT mới.

4.1.5. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù của địa phương

- Xây dựng CQĐT: Các tỉnh đang nghiên cứu đề án CQĐT phù hợp với đặc điểm và điều kiện địa phương, mục tiêu tạo ra cấu trúc tổ chức gọn nhẹ, giảm cấp trung gian.

- Cơ cấu tổ chức: Tổ chức bộ máy CQĐT nên phản ánh đặc thù và mức độ phát triển của từng khu vực, có cơ cấu đa dạng và linh hoạt.

- Sắp xếp các cơ quan chuyên môn: Số lượng cơ quan chuyên môn cần được kiểm soát (không vượt quá 20 đơn vị cho thành phố và 12 cho quận) và cán bộ phường không quá 25 người. Cần phân công nhiệm vụ phù hợp.

- Hiệu quả của mô hình CQĐT: Thực hiện mô hình CQĐT sẽ làm cho bộ máy chính quyền tinh gọn và hiệu quả hơn, giúp các cơ quan hành chính cấp phường chủ động giải quyết vấn đề.

- Khả năng ứng phó: CQĐT sẽ khả năng ứng phó tốt hơn với các tình huống khẩn cấp nhờ phân cấp và ủy quyền hợp lý cho các cơ sở.

4.2. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

4.2.1. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân cần có quyết tâm cao trong chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Các giải pháp để xây dựng CQĐT hiệu quả bao gồm: Tỉnh ủy cần nhanh chóng thống nhất quan điểm và xây dựng Nghị quyết cho CQĐT; Hệ thống chính trị cần được cải cách theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước; Cần có cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện mô hình CQĐT; Thực hiện một cách nghiêm túc, kiểm tra và điều chỉnh mô hình theo thực tiễn đô thị.

4.2.2. Sớm xác định mô hình và thống nhất áp dụng mô hình tổ chức bộ máy chính quyền cụ thể cho các đô thị cấp tỉnh

- Mô hình tổ chức: Mô hình ba cấp truyền thống (tỉnh, huyện, xã) đã trở nên không hiệu quả. Cần xây dựng mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả để phù hợp với thực tiễn quản lý.

- Hoàn thiện thể chế: Tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thống nhất mô hình giữa đô thị và nông thôn. Cải cách hành chính là cần thiết để tăng cường khả năng quản lý của chính quyền.

- Đổi mới bộ máy: Thực hiện sáp nhập các phòng, ban nhằm giảm bớt đầu mối cơ quan dưới UBND. Đề xuất cấu trúc mới cho HĐND và UBND ở cấp thành phố và phường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đề xuất mô hình cụ thể: Đảm bảo có sự phân công rõ ràng trong các cơ quan chức năng. Nâng cao trách nhiệm và tự chủ của chính quyền địa phương thông qua phân cấp.

- Tham gia của công chúng: Khuyến khích sự tham gia của người dân vào quy trình ra quyết định. Đề xuất nghiên cứu các hình thức dân chủ đại diện và trực tiếp.

- Cải cách tổng thể: Xác định rõ chức năng nhiệm vụ của UBND cấp thành phố và phường. Chú trọng đến việc áp dụng công nghệ trong quản lý và đảm bảo sự minh bạch.

4.2.3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương với chính quyền các đô thị trực thuộc

Phân cấp giúp xác định vai trò của các cấp chính quyền, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề quốc gia và địa phương. Qua đó, CQĐT cần có quyền tự chủ nhằm thu hút nguồn lực và phát triển kinh tế - xã hội.

Các nội dung chính của phân cấp CQĐT bao gồm: Quyền tự chủ của CQĐT; Phân cấp rõ ràng; Quản lý hạ tầng và quy hoạch; Quản lý dân cư và an sinh xã hội; Cơ chế phối hợp; Tham gia cộng đồng; Hoàn thiện cơ chế phân quyền.

4.2.4. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho mô hình chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả vận hành

Để phát triển CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và chính quyền số là rất cần thiết. Các điều kiện hỗ trợ cho phát triển CQĐT bao gồm: Đảm bảo nguồn tài lực; Cung ứng dịch vụ công; Xây dựng đội ngũ cán bộ; Chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

4.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức tư vấn, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Kiểm tra giám sát và sơ kết, tổng kết là các hoạt động quan trọng trong lãnh đạo của tổ chức Đảng và chính quyền địa phương nhằm xây dựng CQĐT tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả. Để đảm bảo hiệu quả trong công tác này, cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như: Tăng cường kiểm tra, giám sát và bảo vệ chính trị nội bộ, nhằm ngăn chặn tình trạng lạm dụng chức quyền và chạy chức, chạy quyền; Xây dựng cơ chế giám sát từ Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội; Thiết lập cơ chế dân chủ cho người dân ở đô thị; Tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

KẾT LUẬN

Luận án nghiên cứu về tổ chức CQĐT theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả tại tỉnh Bình Dương, dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và lịch sử. Mặc dù không thể khảo sát toàn bộ các đô thị trong cả nước, Bình Dương được chọn làm ví dụ điển hình, cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu cho cải cách chính quyền đô thị trên toàn quốc.

Các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án: Khái niệm và chức năng của chính quyền địa phương; Tính linh hoạt của mô hình chính quyền đô thị; Đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động; Nhận diện vấn đề và giải pháp.

Luận án khuyến nghị cần củng cố quyết tâm chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền đô thị, xác định mô hình rõ ràng và hoàn thiện thể chế phân quyền, phân cấp. Ngoài ra, đề xuất tăng cường kiểm tra, giám sát và hỗ trợ lẫn nhau giữa các biện pháp đã đề xuất để đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai.

Luận án mang lại cái nhìn sâu sắc về thách thức và cơ hội trong quá trình cải cách chính quyền đô thị, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tổ chức hợp lý và điều hành xã hội tại Bình Dương.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thế Vinh (2022), “Quản trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (11), tr.37-42.
2. Nguyễn Thế Vinh (2022), “Xây dựng chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh*, (285), tr.15-25.
3. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng chính quyền đô thị ở Mỹ và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (01), tr.107-110.
4. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng đô thị thông minh ở Bình Dương hiện nay - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (12), tr.147-152.
5. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (334), tr.42-46.
6. Nguyễn Thế Vinh (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chính quyền địa phương ở đô thị”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/01/09/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-trong-xay-dung-chinh-quyen-dia-phuong-o-do-thi/>.
7. Nguyễn Thế Vinh (2024), “Xây dựng chính quyền điện tử phiên bản 2.0 - động lực phát triển đô thị thông minh của tỉnh Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (13), tr.142-147.